TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23-8-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thu Lan;

Bà Đặng Thị Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lưu Hải Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 583/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 691/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị N; trú tại: Tổ dân phố B, phường Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn B; trú tại: Thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2021, bản tự khai của nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn B xây dựng hạnh phúc gia đình có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 05 tháng 4 năm 2010. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải

Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian ngắn, đến ngày 24 tháng 12 năm 2011 (âm lịch) thì anh B bị kết án về tội "Cố ý gây thương tích" phải chấp hành hình phạt tù 6 năm. Chị N và con quay về nhà bố mẹ đẻ tại Ninh Bình sinh sống. Khi anh B chấp hành án xong, chị và con quay về thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng đoàn tụ cùng anh B nhưng tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không có sự cảm thông, chia sẻ, quan tâm đến nhau. Từ tháng 12 năm 2019, chị N và con lại về nhà bố mẹ đẻ tại Ninh Bình sinh sống đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn nên đề nghị ly hôn anh B. Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là Nguyễn Thành D, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2011. Ly hôn, chị N nhận nuôi cháu D và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần tống đạt Giấy triệu tập hợp lệ để đến Tòa án giải quyết vụ án, nhưng đều vắng mặt, không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn B. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thành D, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2011 cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh B. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Nguyễn Văn B; trú tại: Thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo quy định tại

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Phạm Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn B kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 05 tháng 4 năm 2010 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn giữa chị N và anh B là do tính cách không hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm và không có sự quan tâm đến nhau trong đời sống chung. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Từ tháng 12 năm 2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Quá trình xác minh chính quyền địa phương đều xác nhận mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N xin ly hôn anh B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N và anh B có 01 con chung là Nguyễn Thành D, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2011. Chị N có ý kiến nhận nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Anh B trong quá trình giải quyết vụ án nhiều lần được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án nên không có ý kiến về vấn đề con chung. Xét, từ khi anh B chấp hành án tù và thời gian vợ chồng ly thân đến nay cháu Nguyễn Thành D vẫn sống với chị N. Hiện tại, cháu được chị N chăm sóc tốt, việc sinh hoạt và học tập đã ổn định ở Ninh Bình. Bên cạnh đó, cháu Nguyễn Thành D đã có đơn đề nghị được sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo môi trường ổn định cho sự phát triển của cháu và cũng phù hợp với điều kiện thực tế nên căn cứ quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Nguyễn Thành D cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2011 cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn B.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019254 ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Anh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**